

CÔNG TY CỔ PHẦN KÈM NGHĨA
700/15 LẠC LONG QUÂN – PHƯỜNG 9 – QUẬN TÂN BÌNH – TP.HCM



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 09:2011/KN
NHÍP NHỎ LÔNG MÀY

Lần soát xét: 09

Ký hiệu Tiêu chuẩn thay thế:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2023

Đại diện có thẩm quyền

(Ký phê duyệt, ban hành/đóng dấu)



Trần Minh Trí

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ
(The declaration of quality standard of product and goods)

Số: TCCS 09:2011/KN

Doanh nghiệp (manufacturer): Công ty Cổ phần Kềm Nghĩa

Địa chỉ (address): 700/15 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM.

Điện thoại (Tel. N^o): (028) 39740651 – 652

Fax: (028) 39740653

E-mail: infor@nghia.vn

Web: www.nghia.vn

CÔNG BỐ
(We hereby declare)

Tiêu chuẩn (The standard N^o): **TCCS 09:2011/KN**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá (tên, kiểu loại, mã số hàng hoá) (For the articles: articles' name type, H.S code):

NHÍP NHỎ LÔNG MÀY

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố trên (We undertake our products and goods suitable to the above standard).

Tp. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2023

(HCMC, date July, 5th, 2023)

Đại diện doanh nghiệp (tên, chức vụ)

(Authorized's name position)



Trần Minh Tú

NHÍP NHỎ LÔNG MÀY

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm NHÍP dùng để nhổ tóc, lông mày, lông tay, chân,... do CÔNG TY CỔ PHẦN KÈM NGHĨA sản xuất, kinh doanh.

2. QUY CÁCH

TT	Tên sản phẩm	Chất liệu	Kích thước		
			Dài ($\pm 1,0$ mm)	Rộng ($\pm 0,5$ mm)	Cao ($\pm 1,0$ mm)
1	Nhíp N.401VD	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	6,4
2	Nhíp N.401DO	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	6,4
3	Nhíp N.401XD	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	6,4
4	Nhíp N.401XL	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	6,4
5	Nhíp N.401TI	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	6,4
6	Nhíp N.402	Thép không gỉ (Inox) SUS304	88,0	7,0	6,0
7	Nhíp N.403	Thép không gỉ (Inox) SUS301	97,0	9,0	6,5
8	Nhíp N.404	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
9	Nhíp N.405	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,0	10,0	5,7
10	Nhíp N.406	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	5,5
11	Nhíp N.407	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,5	5,9
12	Nhíp N.408	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,0	5,9
13	Nhíp N.409	Thép không gỉ (Inox) SUS301	89,0	7,0	5,5
14	Nhíp N.410	Thép không gỉ (Inox) SUS420	122,0	10,0	5,5
15	Nhíp N.411	Thép không gỉ (Inox) SUS420	119,0	10,0	5,5
16	Nhíp N.414	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	92,0	9,5	5,5
17	Nhíp N.415	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	92,0	9,5	6,5
18	Nhíp N.416	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	92,0	9,5	6,5
19	Nhíp N.417	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	92,0	9,5	6,5

TT	Tên sản phẩm	Chất liệu	Kích thước		
			Dài ($\pm 1,0$ mm)	Rộng ($\pm 0,5$ mm)	Cao ($\pm 1,0$ mm)
20	Nhíp N.418	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	96,0	9,5	6,5
21	Nhíp N.419	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	100,0	8,5	6,0
22	Nhíp N.420	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	62,5	7,5	9,5
23	Nhíp N.421	Thép không gỉ (Inox) SUS420J2	102,5	12,0	6,5
24	Nhíp N.422	Thép không gỉ (Inox) SUS301	88,0	7,0	6,0
25	Nhíp N.423	Thép không gỉ (Inox) SUS304	87,5	7,8	6,7
26	Nhíp N.503	Thép không gỉ (Inox) SUS304	88,0	7,0	6,0
27	Nhíp C.5	Thép không gỉ (Inox) SUS304	88,0	7,0	6,0
28	Nhíp N.27	Thép không gỉ (Inox) SUS304	88,0	7,0	6,0
29	Nhíp N.425DO	Thép không gỉ (Inox) SUS301	88,0	7,0	6,0
30	Nhíp N.425TI	Thép không gỉ (Inox) SUS301	88,0	7,0	6,0
31	Nhíp N.425XD	Thép không gỉ (Inox) SUS301	88,0	7,0	6,0
32	Nhíp N.425XL	Thép không gỉ (Inox) SUS301	88,0	7,0	6,0
33	Nhíp N.426A	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
34	Nhíp N.426B	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
35	Nhíp N.426C	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
36	Nhíp N.404VA	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
37	Nhíp N.404BA	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7
38	Nhíp N.404HO	Thép không gỉ (Inox) SUS301	95,5	10,0	5,7

Ghi chú:

Kích thước, số lượng và màu sắc có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng

Kiểm tra sự phù hợp bằng thước cặp có độ phân giải 0,01mm hoặc panme có độ phân giải 0,001 mm.

3. YÊU CẦU NGUYÊN LIỆU

Nhíp được chế tạo bằng thép không gỉ (Inox).

Ghi chú: Có thể thay thế bằng các loại vật liệu khác có cơ tính tương đương.

4. YÊU CẦU KỸ THUẬT**4.1. Yêu cầu về ngoại quan**

- Bề mặt sản phẩm phải đẹp, trơn láng, không có bavia, không được có vết nứt, vết lõm, vết xước hay các khuyết tật khác ảnh hưởng đến tính năng sử dụng.
- Khi sử dụng, hai lưỡi nhíp phải khép kín trên suốt chiều dài của lưỡi nhíp.
- Sản phẩm không bị bong tróc lớp xi/điện di (nếu có).

Ghi chú:

Ngoại quan có thể khác theo yêu cầu của khách hàng.

Kiểm tra sự phù hợp bằng cách quan sát bằng mắt thường.

4.2. Yêu cầu về an toàn, vệ sinh sức khỏe và môi trường

Thông tin cảnh báo an toàn:

- Tránh xa tầm tay trẻ em.
- Xử lý sản phẩm khi không sử dụng theo quy định bảo vệ môi trường.

4.3. Yêu cầu về kỹ thuật

TT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Độ bền thao tác của sản phẩm: Thử nghiệm theo chu kỳ 2,000 lần kẹp.	Sản phẩm phải không bị hư hỏng, không thay đổi trạng thái so với ban đầu.	Mục 5.1
2	Độ bền tại mối ghép của hai nửa sản phẩm: Thử nghiệm theo chu kỳ 2,000 lần đóng mở liên tục.	Sản phẩm phải không bị rơ, xộc xệch hay bung, gãy tại mối ghép.	Mục 5.2
3	Độ bền chịu va đập của sản phẩm: Thiết bị phải có đủ độ bền cơ học và kết cấu chịu được các thao tác nặng tay có thể xảy ra trong sử dụng bình thường (thử nghiệm búa thử va đập 0,5J).	Sản phẩm phải không bị nứt, vỡ hoặc hư hỏng khi ở độ cao 1m xuống mặt nền bê tông hoặc đá hoa.	Mục 5.3

5. PHƯƠNG PHÁP THỬ**5.1. Kiểm tra sự phù hợp bằng thử nghiệm sau đây:**

Mẫu thử, 1 đầu được kẹp chặt vào gá đỡ, 1 đầu kết nối vào thiết bị đếm số lần thao tác. Thực hiện theo chu kỳ đóng mở liên tục với số lần theo mục 4.3. Sau thử nghiệm, nếu sản phẩm không bị hư hỏng, không thay đổi trạng thái so với ban đầu thì được xem là đạt yêu cầu.

5.2. Kiểm tra sự phù hợp bằng thử nghiệm sau đây:

Thực hiện tương tự như mục 5.1. Sau thử nghiệm, nếu sản phẩm không bị rơi, xộc xệch hay bung, gãy tại mối ghép thì được xem là đạt yêu cầu.

5.3. Kiểm tra sự phù hợp bằng thử nghiệm búa lò xo:

Mẫu thử được đỡ chắc chắn và dung búa đập vào tất cả các điểm được xem là yếu của mẫu thử với năng lượng va đập là 0,5J. Sau thử nghiệm, nếu sản phẩm không bị nứt, vỡ hoặc hư hỏng thì được xem là đạt yêu cầu.

6. GHI NHÃN, BAO GÓI, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN**6.1. Ghi nhãn:**

Nhãn sản phẩm được in trên giấy dán lên sản phẩm, lên bao bì hoặc in trực tiếp lên bao bì, tuân theo Nghị định 43/2017/NĐ – CP ngày 14/4/2017 và các văn bản pháp luật hiện hành khác. Tối thiểu gồm: Nhãn hiệu, tên sản phẩm, tên công ty, địa chỉ, số tiêu chuẩn sản xuất, thông số kỹ thuật, cảnh báo an toàn, hướng dẫn sử dụng.

6.2. Bao gói:

- **Qui cách 1:** Vì 1 cây nhíp, hộp 10 cây nhíp cùng loại, thùng 60 cây (gồm 6 hộp 10cây/hộp), thùng 360 cây (gồm 6 thùng 60cây/thùng)
- **Qui cách 2 (Nhíp C5):** Vì 5 cây nhíp, thùng 300 cây (gồm 60 vì 5cây/vì), thùng 1.800 cây (gồm 6 thùng 300cây/thùng)
- Quy cách đóng gói căn cứ theo yêu cầu của khách hàng.

6.3. Bảo quản

- Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nhiệt độ cao, tránh hoá chất ăn mòn, các yếu tố khác gây ảnh hưởng chất lượng sản phẩm.
- Tránh xa tầm tay trẻ em.

6.4. Cách sử dụng sản phẩm**6.4.1. Trước khi sử dụng**

- Đưa lưỡi nhíp vào vị trí đối tượng cần nhô. Bóp hai thân nhíp theo lực vừa đủ phù hợp với đối tượng cần nhô/xử lý. Nhẹ nhàng kéo/di chuyển đối tượng cần nhô/xử lý theo hướng mong muốn.

6.4.2. Sau khi sử dụng

- Lau sạch bụi bẩn bằng khăn vải khô.

6.5. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng xe gắn máy hoặc xe tải, không chất quá 03 lớp thùng carton lớn trong quá trình vận chuyển, không để chung với các hóa chất ăn mòn khác.

